

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 8080/STC-HCSN ngày 24 tháng 7 năm 2026 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các tài liệu có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 10498/UBND-KTTH ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc xây dựng Nghị quyết quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau. Việc, Sở Tài chính tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau là cần thiết, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau (dự thảo Nghị quyết) đã thể hiện rõ phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, phù hợp với nội dung cụ thể của văn bản và các quy định có liên quan.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng

Qua xem xét nội dung của dự thảo Nghị quyết, đối chiếu với các chủ trương, đường lối của Đảng, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng.

4. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

a) *Về tính hợp Hiến, hợp pháp:* Đối chiếu nội dung của dự thảo Nghị quyết với các quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật, thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp.

b) *Về tính thống nhất của hệ thống pháp luật:* Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống pháp luật, gồm các căn cứ: “*Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước*”.

Đối chiếu các căn cứ nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

5. Nguồn tài chính, nguồn lực bảo đảm thi hành Nghị quyết

Qua xem xét nội dung đề nghị của cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết và Tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành. Sở Tư pháp nhận thấy cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết đã dự kiến cụ thể nguồn lực đảm bảo việc thi hành sau khi Nghị quyết được ban hành.

6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự thủ tục soạn thảo văn bản

- Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn chỉnh theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản: Dự thảo Nghị quyết được cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo, gửi thẩm định theo quy định, đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục và hồ sơ xây dựng văn bản theo quy định.

7. Ý kiến của Cơ quan thẩm định

Để dự thảo Nghị quyết được ban hành chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất, khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, làm rõ một số nội dung trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, cụ thể như sau:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Về tên dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bổ sung cụm từ “đối với các cơ quan, đơn vị” vào trước cụm từ “thuộc phạm vi” cho thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 35/2026/TT- BTC. Đồng thời, đề nghị rà soát, điều chỉnh cho thống nhất trong toàn bộ văn bản.

- Tại phần “Hội đồng nhân dân ban hành”: Đề nghị rà soát, điều chỉnh cho thống nhất với tên dự thảo Nghị quyết.

- Tại Điều 1:

+ Tại khoản 1: Đề nghị bỏ cụm từ “điểm b khoản 2 Điều 31 và”, vì tại điểm b khoản 2 Điều 31 Thông tư số 35/2026/TT- BTC quy định “**Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương quy định cụ thể đối tượng khách được mời cơm đối với từng loại hình cơ quan thuộc tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả**”, theo đó thẩm quyền quy định cụ thể đối tượng khách được mời cơm do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và thực hiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi ban hành, do đó, không có nội dung giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

+ Tại khoản 2: Đề nghị xem lại, đánh giá sự cần thiết quy định nội dung này.

- Tại khoản 1 Điều 2: Đề nghị bỏ cụm từ “các cấp” vì không cần thiết.

- Tại Tên Chương III: Đề nghị điều chỉnh theo hướng ngắn gọn, khái quát, thống nhất với tên dự thảo Nghị quyết và trình tự trình bày của các nội dung cụ thể của Chương.

- Điều 6: Đề nghị cân nhắc rà soát, bổ sung nội dung về “mức chi chiêu đãi quy định tại Điều này đã bao gồm tiền đồ uống” cho đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 35/2026/TT- BTC.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 6: Đề nghị xem lại cụm từ “đàm phán ký kết hiệp định, công ước” điều chỉnh cho phù hợp thẩm quyền địa phương theo quy định và thực tiễn hoạt động đối ngoại của tỉnh.

- Tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 9: Đề nghị xem lại cụm từ “theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ **giữa hai nước**” điều chỉnh cho phù hợp thẩm quyền địa phương theo quy định và thực tiễn hoạt động đối ngoại của tỉnh.

- Tại khoản 1 Điều 10: Đề nghị thay cụm từ “tiêu chuẩn” thành cụm từ “thực hiện” cho thống nhất cách trình bày của dự thảo.

- Tại tên Mục 2: Đề nghị xem lại cụm từ “TRONG NƯỚC” điều chỉnh cho phù hợp.

- Điều 14:

+ Tại tên Điều: Đề nghị xem lại cụm từ “Việt Nam” điều chỉnh cho phù hợp.

+ Tại nội dung của Điều: Đề nghị thay cụm từ “chỉ được chi để tiếp xã giao” thành cụm từ “được chi tiếp xã giao” cho rõ.

- Tại khoản 2 Điều 16: Đề nghị bỏ khoản này, vì tại điểm b khoản 2 Điều 31 Thông tư số 35/2026/TT- BTC quy định “**Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương quy định cụ thể đối tượng khách được mời cơm đối với từng loại hình cơ quan thuộc tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả**”, theo đó thẩm quyền quy định cụ thể đối tượng khách được mời cơm do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và thực hiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi ban hành, do đó, nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo.

- Tại Điều 17: Đề nghị xem lại cụm từ “mức thuê phiên dịch áp dụng **bằng mức thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc** quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau”, vì qua rà soát nội dung và mức chi tại điểm a khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND là “**tiền công thuê ngoài**”, do đó cần rà soát, hoàn chỉnh cho thống nhất.

- Tại khoản 2 Điều 18: Đề nghị xem lại cụm từ “Việt Nam” điều chỉnh cho phù hợp.

- Tại khoản 2 Điều 19: Đề nghị xem lại cụm từ “Điều 16” điều chỉnh cho chính xác.

- Ngoài ra, đối với các mức chi quy định tại Chương này, đề nghị cơ quan soạn thảo có thuyết minh, làm rõ nội dung này, phân tích điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh làm cơ sở để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tại tên Chương III: Đề nghị điều chỉnh thành “**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**” cho phù hợp với nội dung cụ thể của các Điều.

- Tại khoản 4 Điều 20: Đề nghị xem lại cụm từ “Việt Nam” điều chỉnh cho phù hợp.

b) *Đối với dự thảo Tờ trình*: Đề nghị chuyển nội dung đoạn thứ nhất, đoạn thứ 2 khoản 2 Mục II lên trình bày tại khoản 2 Mục I cho phù hợp.

c) *Đối với Bản Tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình*: Đề nghị rà soát hoàn thiện nội dung đảm bảo đúng theo mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 187/2025/NĐ-CP.

Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo “*Nghị quyết quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chỉ tổ chức hội nghị, hội*”

thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau” đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo nội dung được nêu tại Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp gửi Sở Tài chính nghiên cứu, hoàn chỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- BGĐ Sở;
- Phòng XDKT&TDTHPL(Tr);
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL, 01.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Quốc Sử